

Bản án số: 168/2026/HSST
Ngày 23/6/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Ngọc Anh.

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bá Thành, bà Nguyễn Thị Sơn.

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Lan Hương, Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Bắc Ninh: Bà Trần Thị Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 184/2026/TLST-HS, ngày 09/6/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2026/QĐXXST-HS, ngày 15/6/2026 đối với bị cáo:

Vũ Hoàng T, sinh năm 1993.

Cư trú tại: **Tổ dân phố N, phường T, tỉnh Bắc Ninh**; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Vũ Khắc O**, sinh năm 1956 và bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1956; gia đình có 03 anh em, bị cáo là út; vợ là **Đoàn Thị M**, sinh năm 1997 (đã ly hôn); có 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/02/2026 đến nay (có mặt).

Người bị hại:

1. Anh **Nguyễn Bá B**, sinh năm 1990 và chị **Vũ Thị Thu T1**, sinh năm 1991 (xin vắng mặt).

Đều trú tại: **Tổ dân phố L, phường T, tỉnh Bắc Ninh**.

2. Anh **Đặng Đức T2**, sinh năm 1990 (xin vắng mặt).

Trú tại: **Tổ dân phố T, phường S, tỉnh Bắc Ninh**.

3. Anh **Nguyễn Đức H1**, sinh năm 1989 (xin vắng mặt).

Trú tại: **Tổ dân phố T, phường T, tỉnh Bắc Ninh**.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1956 (vắng mặt).

Trú tại: **Tổ dân phố N, phường T, tỉnh Bắc Ninh.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: **Vũ Hoàng T** học nghề cơ khí nhưng không có công ăn việc làm ổn định. Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên **T** đã nảy sinh ý định nhận làm các sản phẩm cơ khí, inox rồi yêu cầu khách hàng đặt cọc tiền sau đó chiếm đoạt. Để thực hiện hành vi phạm tội và tạo lòng tin với khách hàng, **T** đã đăng các video sản xuất sản phẩm cơ khí inox mà **T** đã làm trước đây lên mạng xã hội tiktok tên “**Tùng V 993**” của **T**. Khi có người liên hệ đặt hàng, **T** ký hợp đồng sản xuất đồng thời yêu cầu khách hàng chuyển tiền đặt cọc. Tiền đặt cọc **T** nhận bằng hình thức tiền mặt hoặc chuyển khoản vào số tài khoản 889939938888 của **Ngân hàng TMCP Q (M1)** tên **Vũ Hoàng T**. Sau khi nhận được tiền, **T** không mua nguyên vật liệu, không thuê ai sản xuất các sản phẩm cơ khí inox, **T** chặn mọi thông tin liên lạc của khách hàng rồi chiếm đoạt số tiền mà khách hàng đã đặt cọc. Với phương thức, thủ đoạn như trên trong thời gian từ ngày 13/8/2025 đến ngày 14/01/2026, **T** đã 03 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng tháng 8/2025, anh **Nguyễn Bá B** xem mạng xã hội Tiktok của **T** thấy các sản phẩm **T** đăng đẹp và có chất lượng, anh **B** đã nhắn tin qua ứng dụng messenger cho **T** để thuê **T** làm công inox cho gia đình, **T** đồng ý. Ngày 13/8/2025, **T** đến nhà anh **B** ký hợp đồng sản xuất nội dung: **T** nhận sản xuất, lắp đặt lan can, cầu thang inox cho anh **B** với tổng số tiền là 29.200.000 đồng, thời gian hoàn thành và giao sản phẩm ngày 13/9/2025. Sau khi ký hợp đồng, **T** yêu cầu anh **B** đặt cọc, anh **B** trực tiếp đưa cho **T** số tiền 9.200.000 đồng. Ngày 16/8/2025 anh **B** tiếp tục ký hợp đồng để **T** làm công **I** sơn nung cho gia đình với số tiền là 21.000.000 đồng, thời hạn hoàn thành và giao sản phẩm ngày 09/9/2025. Sau khi ký hợp đồng, **T** yêu cầu anh **B** đặt cọc, anh **B** trực tiếp đưa cho **T** số tiền 10.000.000 đồng. Ngày 29/8/2025, **T** gọi điện cho chị **Vũ Thị Thu T1** là vợ anh **B** yêu cầu chuyển 4.800.000 đồng để thanh toán tiền làm cầu thang. Chị **T1** đã dùng tài khoản số 030009011991 của **Ngân hàng TMCP S** tên **Vũ Thị Thu T1** chuyển số tiền 4.800.000 đồng cho **T**. Ngày 09/9/2025, **T** tiếp tục yêu cầu chị **T1** chuyển 5.800.000 đồng, chị **T1** đồng ý và đã chuyển số tiền 5.800.000 đồng cho **T**. Sau đó **T** cắt mọi thông tin liên lạc với anh **B** và chị **T1**. Số tiền **T** chiếm đoạt của vợ chồng anh **B**, chị **T1** là 29.800.000 đồng **T** đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 23/02/2026, anh **Nguyễn Bá B** có đơn trình báo gửi **Công an phường T** và giao nộp 02 hợp đồng sản xuất ghi ngày 13/8/2025 và ngày 16/8/2025.

Vụ thứ hai: Đầu tháng 11/2025, anh **Đặng Đức T2** nhắn tin qua ứng dụng Messenger thuê **T** sản xuất công **I** và lan can, **T** đồng ý. Ngày 07/11/2025 **T** đến nhà anh **T2** để ký hợp đồng nội dung: **T** nhận sản xuất và lắp đặt công inox sơn nung và lan can theo mẫu cho anh **T2** với số tiền là 82.500.000 đồng, thời gian hoàn thành giao sản phẩm ngày 30/12/2025. Sau khi ký hợp đồng, **T** yêu cầu anh **T2** đặt cọc, anh **T2** sử dụng tài khoản số 0591000309424 của **Ngân hàng TMCP N (V1)** mang

tên **Đặng Đức T2** chuyển cho **T** số tiền 30.000.000 đồng. Ngày 06/12/2025 anh **T2** tiếp tục ký hợp sản xuất để **T** làm cầu thang nhôm đúc cho gia đình với số tiền là 31.700.000 đồng, thời hạn hoàn thành và giao sản phẩm ngày 06/01/2026. Sau khi ký hợp đồng, **T** yêu cầu anh **T2** đặt cọc, anh **T2** dùng số tài khoản trên chuyển cho **T** số tiền 10.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, **T** cất mọi thông tin liên lạc với anh **T2**. Số tiền **T** chiếm đoạt của anh **T2** là 40.000.000 đồng **T** đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 23/02/2026, anh **Đặng Đức T2** có đơn trình báo gửi **Công an phường T** và giao nộp 02 hợp đồng sản xuất ghi ngày 07/11/2025 và ngày 06/12/2025.

Vụ thứ ba: Anh **Nguyễn Đức H1** đang làm cơ khí và nhôm kính, anh **H1** có nhận thi công các công trình xây dựng nên có nhu cầu thuê người sản xuất công và lan can để đi lắp đặt các công trình. Anh **H1** thấy các sản phẩm inox mà **T** đăng trên mạng Tiktok đẹp nên đã liên lạc và thuê **T** sản xuất công và lan can inox cho mình. Hai bên thỏa thuận, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày **T** nhận tiền đặt cọc, **T** phải giao sản phẩm cho anh **H1**, **T** đồng ý. Ngày 13/01/2026, **T** đến nhà anh **H1** yêu cầu anh **H1** đặt cọc, anh **H1** trực tiếp đưa cho **T** số tiền 15.000.000 đồng. Ngày 14/01/2026, **T** tiếp tục yêu cầu anh **H1** chuyển cho mình số tiền 10.000.000 đồng. Anh **H1** sử dụng số tài khoản 0976330666 của **Ngân hàng TMCP Q (M1)** tên **Nguyễn Đức H1** chuyển số tiền trên cho **T**. Sau khi nhận tiền cọc, **T** cất mọi thông tin liên lạc với anh **H1**. Số tiền **T** chiếm đoạt của anh **H1** là 25.00.000 đồng **T** đã tiêu xài hết.

Ngày 23/02/2026, anh **Nguyễn Đức H1** có đơn trình báo gửi **Công an phường T**.

Biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ngày 24/02/2026 **Vũ Hoàng T** đã đến **Công an phường T** đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số: 43/CT-VKS-KV9, ngày 09/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Bắc Ninh đã truy tố **Vũ Hoàng T** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo khoản 2, điều 174 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Bắc Ninh sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nguyên nhân, điều kiện phạm tội, nhân thân bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố **Vũ Hoàng T** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c, khoản 2, điều 174; điều 38; điểm b, s, khoản 1, 2 điều 51; điểm g, khoản 1, điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt **T** từ 36 đến 42 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/02/2026.

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét giải quyết.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhận tội, không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo không có khiếu nại gì. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng trên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, đủ cơ sở kết luận: Do muốn có tiền để tiêu xài cá nhân nên **Vũ Hoàng T** đã đăng các video sản xuất sản phẩm cơ khí inox mà **T** đã làm trước đây lên mạng xã hội **T3** mang tên “Tùng **V** 993” của **T** mục đích để khi có người liên hệ đặt hàng, **T** ký hợp đồng sản xuất, yêu cầu khách hàng chuyển tiền đặt cọc bằng hình thức nhận tiền mặt hoặc chuyển khoản cho **T**. Sau khi nhận được tiền, **T** không mua nguyên vật liệu, cũng không thuê người sản xuất các sản phẩm cơ khí inox đồng thời chặn mọi thông tin liên lạc của khách hàng để chiếm đoạt số tiền đã đặt cọc. Với phương thức, thủ đoạn như trên từ ngày 13/8/2025 đến ngày 14/01/2026 **T** đã chiếm đoạt của vợ chồng anh **Nguyễn Bá B**, chị **Vũ Thị T1** số tiền 29.800.000 đồng; anh **Đặng Đức T2** số tiền 40.000.000 đồng và của **Nguyễn Đức H1** số tiền 25.000.000 đồng. Tổng số tiền **T** chiếm đoạt là 94.800.000 đồng. Hành vi của bị cáo **Vũ Hoàng T** đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, phạm vào điểm c, khoản 2, điều 174 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Bắc Ninh đã truy tố là đúng người, đúng tội.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, rất táo bạo và liều lĩnh, đã gây mất trật tự trị an trên địa bàn **phường T và phường S**, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây hoang mang lo lắng cho người dân, dư luận xã hội đòi hỏi phải xử lý nghiêm. Bởi vậy cần phải có hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo có 03 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, do vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g, khoản 1, điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội đã đến Cơ quan Công an đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi của mình; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn, hối cải; đã tác động đến gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại nhằm khắc phục hậu quả cho những người bị hại; người bị hại xin giảm nhẹ, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 điều 51 Bộ luật hình sự, do vậy cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần khi quyết định hình phạt.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động đến gia đình là bà **Nguyễn Thị H** (mẹ đẻ của **T**) bồi thường toàn bộ thiệt hại nhằm khắc phục hậu quả cho anh **Nguyễn Bá B**, chị **Vũ Thị T1** số tiền 29.800.000 đồng; anh **Đặng Đức T2** số tiền 40.000.000

đồng; anh **Nguyễn Đức H1** số tiền 25.000.000 đồng, tổng cộng đã bồi thường 94.800.000 đồng. Những người bị hại không có yêu cầu gì thêm, do vậy không xem xét.

Bà **Nguyễn Thị H** không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền trên, do vậy không xem xét.

[4] Về vật chứng: Đối với chiếc điện thoại mà **T** dùng để đăng các sản phẩm lên mạng xã hội **T3** và dùng để giao dịch với các bị hại là điện thoại hiệu Iphone XS Max màu trắng. Chiếc điện thoại này **T** đã làm rơi khoảng tháng 02/2026, rơi ở đâu **T** không biết, Cơ quan điều tra không thu hồi được nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Vũ Hoàng T** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm c, khoản 2, điều 174; điều 38; điểm b, s, khoản 1, 2 điều 51; điểm g, khoản 1, điều 52 Bộ luật hình sự; khoản 1, 3 điều 329; điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án:

Xử phạt: **Vũ Hoàng T** 38 (ba mươi tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/02/2026. Tạm giam bị cáo 45 ngày, kể từ ngày 23/6/2026 để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND tỉnh BN.
- Phân trại TG TT, TTG số 1, CA tỉnh BN.
- THAHS CA tỉnh BN.
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh BN.
- VKSND khu vực 9-BN.
- THADS khu vực 9-BN.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Ngọc Anh